

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG MỎ CHÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 12./QĐ-UBND

Mỏ Chè, ngày 11 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình sử dụng dự toán ngân sách năm 2023
Của phường Mỏ Chè**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỎ CHÈ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội thành phố Sông Công năm 2023;

Xét đề nghị của Ban tài chính phường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu sử dụng dự toán ngân sách năm 2023 của UBND phường Mỏ Chè (theo các biểu kèm theo quyết định)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân TP;
- Phòng TC-KH TP;
- Đảng ủy phường;
- HĐND phường;
- Các đoàn thể ở phường;
- Các TT TDP trong phường;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Công Phương

THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023
PHƯỜNG MỎ CHÈ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 10 /01/2024 của UBND phường Mỏ Chè)

Thực hiện quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 thành phố Sông Công.

Kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 phường Mỏ Chè như sau:

1. Thu ngân sách là: 7.243.642.000 đ

Trong đó:

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.373.166.000 đ
- Thu phân chia theo tỷ lệ % do tỉnh quy định: 339.511.000 đ
- Thu chuyển nguồn: 210.282.000 đ
- Các khoản thu được hưởng 100%: 320.683.000 đ

2. Tổng chi ngân sách là: 7.109.554.000 đ

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 6.795.032.000 đ
- Chi đầu tư: 314.522.000 đ

3. Thuyết minh một số khoản thu, chi chủ yếu

3.1. Thu ngân sách

Công tác thu ngân sách của phường Mỏ Chè luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự lãnh đạo của đảng ủy, sự giám sát của HĐND, UBND phường luôn xác định thu ngân sách là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Tuy nhiên năm 2023 trên địa bàn phường hầu hết các khoản thu thực hiện thấp, giảm so với cùng kỳ, nguyên nhân là do năm 2023 số thu của phường được giao tương đối cao trong khi nguồn thu tại địa phương lại thấp, biến động về mua bán bất động sản, hoạt động kinh doanh tại địa phương còn nhỏ lẻ.



3.2. Chi ngân sách

Chi ngân sách phường Mỏ Chè năm 2023 cơ bản đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi trong kế hoạch và chi kịp thời các nhiệm vụ phát sinh như: Chi chúc mừng thọ người cao tuổi, tiền điện chiếu sáng công cộng tại các tổ dân phố, chi hỗ trợ chi phí hỏa táng, tiêu hủy gia súc, chi phục vụ công tác thu gom chất thải rắn ... và chi đầu tư XDCB.

4. Một số biện pháp điều hành ngân sách

4.1. Về thu ngân sách

Cần khai thác tốt nguồn thu đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời cho ngân sách nhà nước, chống thất thu, trốn thuế, nợ đọng thuế, gian lận chuyển giá, vi phạm pháp luật thuế, phân đấu hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách được giao.

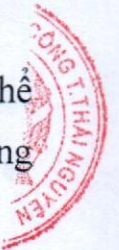
Thực hiện thu đóng góp của nhân dân đầu tư các công trình hạ tầng, thu các loại quỹ và nộp toàn bộ số tiền thu được vào tài khoản tiền gửi của UBND phường mở tại KBNN Sông Công để quản lý và sử dụng theo đúng mục đích, đúng quy định.

Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND phường với các ngành, đoàn thể và chi cục thuế thành phố để giải quyết kịp thời những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện thu ngân sách.

4.2. Về chi ngân sách

Chi ngân sách cần bám sát vào dự toán đã được thành phố và HĐND phường giao.

Tăng cường chủ động điều hành ngân sách, thực hiện điều chỉnh và cân đối lại các nhiệm vụ chi ngân sách khi có biến động hụt thu, ưu tiên các khoản chi lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản chi theo chế độ. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện công khai minh bạch ngân sách theo đúng quy định của pháp luật.





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG THU | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM | SO SÁNH (%) |
|-----------|------------------------------------|------------------|-------------------|---------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 = 2/1 |
| I | TỔNG SỐ THU | 4.892.000 | 7.243.642 | 148,07 |
| 1 | Các khoản thu xã hưởng 100 % | 230.000 | 320.683 | 139,43 |
| 2 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 234.000 | 339.511 | 145,09 |
| 3 | Thu bổ sung | 4.428.000 | 6.373.166 | 143,93 |
| | - Bổ sung cân đối ngân sách | 4.428.000 | 4.391.000 | 99,16 |
| | - Bổ sung có mục tiêu | | 1.982.166 | |
| 4 | Thu chuyên nguồn | | 210.282 | |
| II | TỔNG SỐ CHI | 6.891.032 | 7.109.554 | 103 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 314.522 | 314.522 | 100 |
| 2 | Chi thường xuyên | 6.795.032 | 6.795.032 | 100 |
| 3 | Dự phòng | 96.000 | | |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023



Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ | | SO SÁNH (%) | |
|------------|---|------------------|------------------|-------------------|------------------|--------------|---------------|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 3/1 | 6 = 4/2 |
| | Tổng số thu ngân sách xã | 9.128.000 | 5.022.000 | 10.185.178 | 7.243.642 | 111,6 | 144,24 |
| A | Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc | 9.128.000 | 5.022.000 | 10.185.178 | 7.243.642 | 111,6 | 144,24 |
| I | Các khoản thu 100% | 360.000 | 360.000 | 320.683 | 320.683 | 89,1 | 89,08 |
| 1 | Phí, lệ phí | 200.000 | 200.000 | 112.412 | 112.412 | 56,2 | 56,21 |
| 2 | Thu từ quỹ đất công ích và đất công | | | | | | |
| 3 | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| 4 | Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| 5 | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước | | | 188.000 | 188.000 | | |
| 7 | Thu khác | 160.000 | 160.000 | 20.271 | 20.271 | 12,7 | 12,67 |
| II | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | 4.340.000 | 234.000 | 3.281.047 | 339.511 | 7,8 | 145,09 |
| | Các khoản thu phân chia (1) | | | | | | |
| 1 | Thuế thu nhập cá nhân | 2.640.000 | | 1.419.094 | | | |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng | 780.000 | 78.000 | 1.410.631 | 141.063 | 18,1 | 180,85 |
| 3 | Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | | | | | |
| 4 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | 320.000 | 96.000 | 511.051 | 153.315 | 47,9 | 159,70 |
| 5 | Lệ phí trước bạ nhà, đất | 600.000 | 60.000 | 451.322 | 45.132 | 7,5 | 75,22 |
| 9 | Thu tiền sử dụng đất, thu khác | | | 0 | | | |
| | Các khoản thu phân chia khác do tình quy định | | | | | | |
| III | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 4.428.000 | 4.428.000 | 6.373.166 | 6.373.166 | 143,9 | 143,93 |
| | Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | 4.428.000 | 4.428.000 | 4.391.000 | 4.391.000 | 99,2 | 99,16 |
| | Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên | | | 1.982.166 | 1.982.166 | | |
| IV | Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | | |
| V | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có) | | | 210.282 | 210.282 | | |